

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung – Tổng Công ty Điện lực miền Trung
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Vị trí chính TTDL EVNCPC, địa chỉ: số 393 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Cường, Vị trí dự phòng Trung tâm dữ liệu EVNCPC, địa chỉ: số 02 Quang Trung, thành phố Đà Nẵng và Vị trí triển khai tại 15 TBA 110kV do QTPC quản lý và 05 NMTĐ do CPSC quản lý, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none">1. TBA 110kV Đồng Hới, địa chỉ: Phường Đồng Hới, Quảng Trị;2. TBA 110kV Bồ Trạch, địa chỉ: Xã Đông Trạch, Quảng Trị;3. TBA 110kV Văn Hoá, địa chỉ: Xã Tiến Hóa, Quảng Trị;4. TBA 110kV Hòn La, địa chỉ: Xã Phú Trạch, Quảng Trị;5. TBA 110kV Sông Gianh, địa chỉ: Xã Nam Gianh, Quảng Trị;6. TBA 110kV Tuyên Hóa, địa chỉ: Xã Tuyên Hóa, Quảng Trị;7. TBA 110kV Áng Sơn, địa chỉ: Xã Trường Ninh, Quảng Trị;8. TBA 110kV Lệ Thủy, địa chỉ: Xã Lệ Thủy, Quảng Trị;9. TBA 110kV Đông Hà, địa chỉ: Phường Nam Đông Hà, Quảng Trị;10. TBA 110kV Diên Sanh, địa chỉ: Xã Diên Sanh, Quảng Trị;11. TBA 110kV Quán Ngang, địa chỉ: Xã Gio Linh, Quảng Trị;12. TBA 110kV Vĩnh Linh, địa chỉ: Xã Vĩnh Linh, Quảng Trị;13. TBA 110kV Khe Sanh, địa chỉ: Xã Khe Sanh, Quảng Trị;14. TBA 110kV Lao Bảo, địa chỉ: Xã Lao Bảo, Quảng Trị;15. TBA 110kV Tà Rụt, địa chỉ: Xã Tà Rụt, Quảng Trị;16. Xí nghiệp Thủy điện A Roàng, thuộc Công ty Dịch vụ

	<p>Điện lực miền Trung, địa chỉ: Thôn Karông - A Ho, Xã A Lưới 4, Thành Phố Huế;</p> <p>17. Xí nghiệp Thủy điện Đăk Pring, thuộc Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, địa chỉ: Thôn Pring, Xã Nam Giang, Thành Phố Đà Nẵng;</p> <p>18. Xí nghiệp Thủy điện An Điền, thuộc Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, địa chỉ: Thôn Đại Mỹ, Xã Thượng Đức, Thành Phố Đà Nẵng;</p> <p>19. Xí nghiệp Thủy điện Ry Ninh, thuộc Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, địa chỉ: Xã Ialy, Tỉnh Gia Lai;</p> <p>20. Xí nghiệp Thủy điện ĐrâyH'Linh, thuộc Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung, địa chỉ: Thôn 5, Xã Hòa Phú, Tỉnh Đắk Lắk</p>
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Kể từ ngày 2 bên ký hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
E-ĐKC 10	<p>- Phương thức thanh toán: <i>chuyển khoản</i>.</p> <p>- Đồng tiền và thời hạn thanh toán.</p> <p>+ Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 01 bản gốc Giấy đề nghị tạm ứng. ▪ 01 bản gốc Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến khi thu hồi hết tạm ứng. <p>* Quản lý tiền tạm ứng:</p> <p>- Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kể</p>

hoạch sử dụng tiền tạm ứng (thuê nhân công, máy móc thiết bị ..). Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng. Trường hợp CĐT phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho hợp đồng thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu.

- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.

- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:

+ Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau:

Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;

Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng;

Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

+ Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định, nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

	<p>Sau 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, nếu nhà thầu không cung cấp đầy đủ các hồ sơ chứng từ như trên thì coi như nhà thầu không tạm ứng.</p> <p>+ Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.</p> <p>+ Thanh toán đợt 1 (thanh toán theo từng dự án hoàn thành): 95% giá trị hợp đồng được thanh toán (sau khi trừ đi giá trị tạm ứng) trong vòng 30 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 01 hóa đơn tài chính hợp lệ của Bên B mô tả hàng hóa, số lượng, đơn giá, thành tiền. ▪ 01 bản gốc Nhật ký giám sát công tác triển khai, Báo cáo kết quả giám sát công tác triển khai. ▪ 04 bản gốc biên bản nghiệm thu tư vấn giám sát công trình. ▪ 01 bản gốc đề nghị thanh toán của nhà thầu. <p>Thời hạn nộp: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu giám sát.</p> <p>+ Thanh toán đợt 2 (thanh toán theo từng dự án hoàn thành): 05% giá trị thực hiện còn lại được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán dự án và Chủ đầu tư nhận được bản gốc đề nghị thanh toán của Nhà thầu.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng</i>
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 210 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, trong đó thời gian thực hiện giám sát công tác triển khai dự án không quá 60 ngày cho mỗi dự án kể từ ngày Chủ đầu tư có thông báo thực hiện (không bao gồm: Các ngày nghỉ chờ giao VTTB kể từ ngày ký hợp đồng cấp VTTB, các ngày nghỉ chờ giao VTTB giữa các đợt, các ngày nghỉ thi công do Chủ đầu tư yêu cầu đảm bảo vận hành hệ thống phục vụ SXKD)
E-ĐKC 13.1	<p>Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: <i>trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.</i></p> <p>Điều chỉnh hợp đồng: Trong trường hợp thay đổi quy mô, giá trị thiết bị của dự án, hai bên được phép thống nhất thỏa thuận điều chỉnh giá hợp đồng bằng phụ lục hợp đồng</p>

E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không áp dụng
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: % giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: không áp dụng
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0.5% cho mỗi ngày chậm thực hiện công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá 41.489.418 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>c) Thời gian chậm là thời gian nhà thầu chậm thực hiện giám sát nhà thầu thi công triển khai dự án theo thông báo của Chủ đầu tư. Thời gian chậm không bao gồm: Các ngày nghỉ chờ giao VTTB kể từ ngày ký hợp đồng cấp VTTB, các ngày nghỉ chờ giao VTTB giữa các đợt, các ngày nghỉ thi công do Chủ đầu tư yêu cầu đảm bảo vận hành hệ thống phục vụ SXKD.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu tư vấn:</p> <p>Nếu xảy ra một trong những trường hợp sau, chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt</p>

	<p>hại bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu tư vấn ít nhất là trước 15 ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu tư vấn không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng hồ sơ tư vấn theo hợp đồng đã ký kết. + Nếu Tư vấn từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc trong vòng 15 ngày kể từ ngày chủ đầu tư có thông báo về sai sót hoặc chậm trễ của tư vấn trong khi thực hiện các nghĩa vụ của họ theo Hợp đồng này, tư vấn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó. + Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể hoặc chuyển nhượng lợi ích của hợp đồng cho chủ nợ của mình mà không có sự chấp thuận của chủ đầu tư. + Nếu xảy ra sự kiện Bất khả kháng, sau 75 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà tư vấn vẫn không thể tiếp tục thực hiện được Dịch vụ. + Nếu Tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng.
<p>E-ĐKC 20</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn có quyền tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng khi chủ đầu tư không thanh toán cho tư vấn quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định Điều 7 - ĐKCT trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. - Tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư ít nhất là trước 30 ngày nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Nếu chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể. + Nếu trong vòng 45 ngày kể từ ngày tư vấn thông báo về việc chưa thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào của Hợp đồng này sau khi chủ đầu tư đã nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ mà chủ đầu tư vẫn không thanh toán. + Nếu xảy ra sự kiện Bất khả kháng và sau 75 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó mà Tư vấn vẫn không thể tiếp tục thực hiện dịch vụ.
<p>E-ĐKC 22.2</p>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hòa giải: Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến các hợp đồng bằng cách thương lượng.

	<p>- Tòa án: Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo các hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án có thẩm quyền tại thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- Nhà thầu có thời hạn 90 ngày (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
<p>E-ĐKC 23.1</p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>